

CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP DHL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP DHL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110634055

3. Ngày thành lập: 29/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 53 tổ 25 ngõ 345 Phú Xá, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936 115 257

Fax:

Email: tonghopdhl@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
9.	Bán mô tô, xe máy	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa, nhựa tái sinh	4669(Chính)
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
28.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
29.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
30.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
31.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
32.	Quảng cáo	7310
33.	Cho thuê xe có động cơ	7710
34.	Bán buôn tổng hợp	4690
35.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
36.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
37.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
38.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
39.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
40.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
41.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
42.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
43.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
44.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
45.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
46.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
47.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
48.	In ấn	1811
49.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
50.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
51.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
52.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
53.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
54.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
55.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

56.	Đúc sắt, thép	2431
57.	Đúc kim loại màu	2432
58.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
59.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
60.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
61.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
62.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
63.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
64.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
65.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
66.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
67.	Sản xuất đồng hồ	2652
68.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
69.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
70.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
71.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
72.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
73.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
74.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
75.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
76.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
77.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
78.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
79.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
80.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
81.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
82.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
83.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
84.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
86.	Bốc xếp hàng hóa	5224
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
88.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
89.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

90.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
91.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
92.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
93.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
94.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
95.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
96.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
97.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
98.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
99.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
100.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
101.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
102.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
103.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
104.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
105.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
106.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
107.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
108.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
109.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
110.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
111.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
112.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
113.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
114.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
115.	Thu gom rác thải độc hại	3812
116.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
117.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
118.	Tái chế phế liệu	3830
119.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
120.	Xây dựng nhà để ở	4101
121.	Xây dựng nhà không để ở	4102
122.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
123.	Phá dỡ	4311
124.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

